

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 13 tháng 08, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	NBC	12/08/2025	10.3	641.000	148.160	4.33
2	AAH	12/08/2025	4.7	11.279.800	2.734.097	4.13
3	TLD	12/08/2025	7.85	1.415.400	342.847	4.13
4	MZG	12/08/2025	12.8	1.899.800	464.303	4.09
5	VOS	12/08/2025	16.6	14.586.600	3.802.450	3.84
6	SGP	12/08/2025	30.9	1.067.000	286.870	3.72
7	HTN	12/08/2025	12.75	4.209.300	1.224.973	3.44
8	PPC	12/08/2025	11.4	3.341.600	995.400	3.36
9	GSP	12/08/2025	13.65	594.300	178.243	3.33
10	TAL	12/08/2025	32.95	1.811.000	603.067	3
11	VIP	12/08/2025	13.8	1.038.800	387.280	2.68
12	PVT	12/08/2025	18.95	11.039.900	4.566.640	2.42
13	VTO	12/08/2025	13	1.729.500	728.043	2.38
14	POW	12/08/2025	16.15	39.614.500	16.714.660	2.37
15	G36	12/08/2025	11.5	3.205.600	1.360.470	2.36
16	LPB	12/08/2025	38.05	9.518.700	4.076.027	2.34
17	VGC	12/08/2025	66.3	4.993.700	2.175.167	2.3
18	CII	12/08/2025	20.45	69.068.544	31.103.378	2.22
19	SAM	12/08/2025	9.16	2.617.800	1.183.063	2.21
20	HT1	12/08/2025	17.15	2.757.600	1.272.203	2.17
21	MBB	12/08/2025	32.4	56.623.400	26.433.696	2.14
22	ST8	12/08/2025	7.03	1.231.500	583.430	2.11
23	DPG	12/08/2025	47.8	5.769.800	2.775.850	2.08
24	PLX	12/08/2025	38.5	4.940.600	2.487.927	1.99
25	VAB	12/08/2025	19.9	4.637.300	2.339.307	1.98
26	HHV	12/08/2025	15.5	32833700	16828846	1.95
27	NDN	12/08/2025	11.9	1519800	778840	1.95
28	CRE	12/08/2025	9.65	1187000	611307	1.94
29	MHC	12/08/2025	12.45	966100	501000	1.93



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	ACV	12/08/2025	65.2	1.062.090	69.38	64.16	1.63	1.32	-1.03
2	BCM	12/08/2025	71.5	832.160	62.3	67.04	6.66	1.37	0.16
3	BVH	12/08/2025	53.4	897.200	59.77	50.26	6.26	0.14	0.79
4	CMX	12/08/2025	7.68	806.980	61.35	7.47	2.75	0.14	0.03
5	CSM	12/08/2025	13.4	806.250	49.08	13.36	0.3	0.08	0.04
6	DGC	12/08/2025	107.9	2.983.900	63.86	103.43	4.32	2.13	-2.7
7	DPR	12/08/2025	42	943.850	57.38	40.26	4.32	0.33	-0.38
8	DRI	12/08/2025	13.1	1.361.410	57.1	12.36	5.98	0.12	0.03
9	DVM	12/08/2025	8	804.340	69.64	7.64	4.76	0.16	0.04
10	FRT	12/08/2025	150	697.970	47.52	141.56	5.97	1.91	-2.37
11	GAS	12/08/2025	70.5	1.410.870	65.41	66.53	5.97	0.89	-0.03
12	GMD	12/08/2025	60.8	4.328.890	63.34	57.74	5.29	0.98	-1.48
13	HNG	12/08/2025	6.5	8.897.840	58.02	6.28	3.51	0	0.19
14	IDC	12/08/2025	49.5	3.808.550	67.81	48.38	2.31	1.13	-1.52
15	IJC	12/08/2025	14	3.803.490	63.79	13.28	5.45	0.22	-0.04
16	IVS	12/08/2025	10.2	547.080	54.62	9.87	3.37	0.11	-0.11
17	LSS	12/08/2025	10.35	792.310	65.04	10.18	1.68	0.13	-0.16
18	ORS	12/08/2025	12.45	10.530.140	68.47	11.85	5.1	0.57	-0.33
19	PLX	12/08/2025	38.5	3.375.140	60.86	37.52	2.61	0.4	-0.21
20	PNJ	12/08/2025	87.5	723.120	56.94	87.23	0.31	1.57	-1.74
21	PVD	12/08/2025	23	11.668.930	74.85	21.89	5.05	0.63	-0.77
22	PVT	12/08/2025	18.95	7.061.320	62.03	18.91	0.21	0.31	-0.49
23	SIP	12/08/2025	66.5	831.880	58.26	65.92	0.88	1.19	-1.05
24	TNG	12/08/2025	22	2.424.470	59.31	20.98	4.84	0.53	-0.36
25	TTA	12/08/2025	11.85	914.810	61.49	11.51	2.92	0.15	0.11
26	TVC	12/08/2025	9.8	592.900	59.69	9.32	5.14	0.18	0.02
27	VCB	12/08/2025	63	8.539.320	63.92	60.64	3.89	0.65	-0.61
28	VGI	12/08/2025	80.4	1.383.570	64.09	78.14	2.89	1.23	-1.59
29	VGT	12/08/2025	13.3	3.066.520	61.11	12.71	4.65	0.33	-0.05



Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	HPG	28,5	29,1	94.714.888
2	VIX	30	30,2	53088380
3	VPB	29,6	29,95	49.692.400
4	CII	20,45	20,45	39.941.476
5	MBB	32,4	32,45	35556520
6	VSC	27,7	27,9	26.846.440
7	PDR	23,9	24,25	25.968.640
8	HDB	28,9	29,25	23.360.220
9	MSB	15,4	15,9	23.249.970
10	HAG	16,2	16,55	19.815.800
11	HHV	15,05	15,25	19.467.560
12	POW	16,15	16,15	18.399.310
13	CTG	48	48,75	14.617.140
14	MSN	83,6	86	12.240.650
15	DBC	31,25	32,02	11.191.610
16	PC1	28,2	28,3	10.741.420
17	HDC	37,25	37,6	8.583.200
19	KDH	34,2	34,2	7.156.100
20	HUT	18,5	19,2	5.370.780
21	LPB	38,05	38,05	4.858.870
22	DGW	48,15	49,5	3.634.680
23	NLG	43,55	44,6	3.347.160
24	VGC	66,3	66,3	3.170.750
25	VAB	19,9	20,45	2.873.740

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	NKG	16,9	16,85	22.552.690
2	BSR	22,95	22,5	18.835.470
3	HSG	19,85	19,75	14774770
4	BID	41,5	40,45	11.846.780
5	PVD	23	23	11.668.930
6	PVS	37,9	37,7	10.353.300
7	VCB	63	62,8	8.539.320
8	VOS	16,6	16,2	4.373.950
9	IDC	49,5	49,5	3.808.550
10	VGT	13,3	13,3	3066520
11	DGC	107,9	107,5	2983900
12	BSI	50	49,4	2.788.970
13	VGS	32,8	32,7	1.950.100
14	DTD	23,1	23	1.730.100
15	GIL	20,9	20,65	1.303.870

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	BHN	34	33,87	29.740
2	VEF	171	170	15.640

Phá đáy 1 năm

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	AAH	4,7	4,24	3.127.290
2	AAV	6,8	6,68	1.075.600
3	CSV	37,05	36,46	1915160
4	GKM	4,4	4,26	555.990
5	QTP	13,2	13,18	508.680
6	REE	68,6	67,93	1.194.740

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AAH	4,7	4,24	3.127.290
2	AAV	6,8	6,68	1.075.600
3	BCR	2,2	2,11	5096230
4	CSV	37,05	36,46	1.915.160
5	GKM	4,4	4,26	555.990
7	REE	68,6	67,93	1194740

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	AAV	6,8	6,73	1.075.600
2	QTP	13,2	13,16	508.680

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn

Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	CCL	7,6	7,6	814.540

Cắt xuống đường trung bình MA20

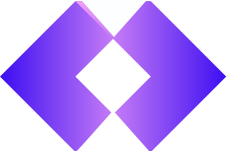
STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	CTD	82,7	83,15	1.131.970
2	DRH	3,49	3,49	1.339.320
3	LIG	4,1	4,11	869150
4	TCD	2,8	2,89	2.081.290
5	VHM	93	93,23	5.990.430

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	CTD	82,7	83,1	1.131.970
2	VTP	116,6	117,63	971.050

Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	QTP	12/08/2025	13.2	12.9	13.4	3.9	489.820
2	QNS	12/08/2025	49.3	46	49.5	7.6	168.820
3	SAB	12/08/2025	48.3	45.69	50	9.4	1.099.440
4	SJD	12/08/2025	15.35	14.15	15.5	9.5	123.940
5	CST	12/08/2025	15.8	15.1	16.7	10.6	115.920
6	CTF	12/08/2025	21.35	21.15	23.45	10.9	320.480
7	PHC	12/08/2025	5.4	4.9	5.47	11.6	144.900
8	BAF	12/08/2025	35.9	33.2	37.3	12.3	6.262.700
9	BMI	12/08/2025	21.3	19.5	21.9	12.3	618.860
10	NED	12/08/2025	7.2	6.9	7.8	13	129.920
11	BWE	12/08/2025	49	46.7	52.8	13.1	188.760
12	PTB	12/08/2025	55	49.86	56.5	13.3	168.740
13	BMP	12/08/2025	140.5	133.1	151	13.4	122.520
14	FPT	12/08/2025	107.5	99.25	112.8	13.7	10.371.020
15	SGT	12/08/2025	17.2	16.4	18.7	14	100.180
16	CTD	12/08/2025	82.7	77.5	88.5	14.2	1.108.240
17	SCS	12/08/2025	63.9	60.8	69.5	14.3	357.980
18	DVN	12/08/2025	23.2	22.3	25.5	14.3	69.600
19	VTO	12/08/2025	13	12.15	13.9	14.4	981.840
20	BVH	12/08/2025	53.4	47.9	55	14.8	930.980
21	BNA	12/08/2025	7.7	7.4	8.5	14.9	286220
22	APG	12/08/2025	11.9	11.7	13.45	15	924080



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường
Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông
Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá
Điện thoại: 0237 3515 009